

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN NINH

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/9/2015

Căn cứ luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015

Căn cứ nghị định 163/2016/NĐ-Cp ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 47/2020/NQ-HĐND, ngày 28 tháng 12 năm 2020 của HĐND xã về việc phê chuẩn dự toán ngân sách năm 2021;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán năm 2021 của UBND xã:

Tổng thu ngân sách nhà nước: 6.936.000 nghìn đồng

Trong đó thu ngân sách xã: 5.896.000 nghìn đồng

Tổng chi ngân sách: 5.896.000 nghìn đồng

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng UBND xã, bộ phận tài chính – Kế toán tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng TC huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Các đoàn thể xã;
- Thôn trưởng 9 thôn;
- Lưu: Vp, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Huy

Sơn Ninh, ngày 05 tháng 01 năm 2021

BIÊN BẢN

Niên yết công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021

I. Thời gian: 07h30 ngày 05 tháng 01 năm 2021

II. Địa điểm: Tại Trụ sở UBND xã Sơn Ninh

III. Thành phần: Gồm toàn thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân, thôn trưởng thôn.

IV. Nội dung

1. Ông Nguyễn Xuân Huy - Chủ tịch UBND xã thông qua Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

2. Thông báo các nội dung công khai:

Công khai dự toán thu, chi NS xã năm 2021

3. Hình thức công khai:

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn.

- Niêm yết tại Trụ sở UBND xã, trang cổng thông tin xã Sơn Ninh

4. Địa điểm, thời gian niêm yết.

- Niêm yết tại Trụ sở UBND xã và trang thông tin điện tử xã Sơn Ninh.

- Thời gian niêm yết: Từ ngày 06/01/2021 đến ngày 16/01/2021


5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, 9 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai và chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

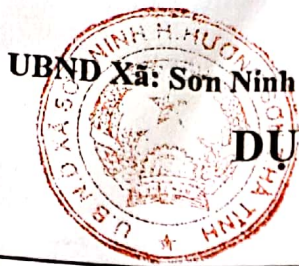
Biên bản được thông qua vào 10h30 phút cùng ngày và các thành viên nhất trí 100%.

Thư ký

Thư?

Hồ Thị Hoài Thu

Chủ tịch UBND xã

Nguyễn Xuân Huy



Biểu số 109/CK TC - NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu	6.936.000	5.896.000
I	Các khoản thu 100%	105.000	105.000
1	Phí, lệ phí	40.000	40.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	65.000	65.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.996.000	956.000
1	Các khoản thu phân chia		
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	58.000	58.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
21	Thu tiên sử dụng đất	1.500.000	750.000
22	Thu tiên thuê mặt đất, mặt nước		
23	Thuế tài nguyên	150.000	48.000
24	Thuế giá trị gia tăng	288.000	100.000
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
26	Thuế thu nhập cá nhân		
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyên nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.835.000	4.835.000
1	Thu bổ sung cân đối	4.835.000	4.835.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	5.896.000	750.000	5.146.000
	Trong đó:			
A	Chi ngân sách xã đã qua KB	5.896.000	750.000	5.146.000
I	Chi đầu tư phát triển khác	750.000	750.000	
1	Chi đầu tư XD CB	750.000	750.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	5.030.000		5.030.000
1	Chi giáo dục	12.000		12.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			0
3	Chi y tế	52.000		52.000
4	Chi văn hóa, thông tin	27.000		27.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	36.000		36.000
6	Chi thể dục, thể thao	80.000		80.000
7	Chi bảo vệ môi trường			0
8	Chi các hoạt động kinh tế	325.000		325.000
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.131.000		4.131.000
10	Chi cho công tác xã hội	367.000		367.000
11	Chi khác			0
III	Dự phòng	116.000		116.000

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2020		Dự toán năm 2021		So sánh %	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
Tổng số thu	7.314.000	12.744.484	6.936.000	5.896.000	95	46
I. Các khoản thu 100%						
- Phí, lệ phí	103.000	98.051	105.000	105.000	102	107
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	43.000	16.500	40.000	40.000	93	242
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	60.000	63.000	65.000	65.000	108	103
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác		18.551				0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.277.000	2.359.195	1.996.000	956.000	88	41
1. Các khoản thu phân chia	257.000	174.668	496.000	206.000	193	118
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.000					
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	250.000					
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		4.300				0
- Lệ phí trước bạ nhà, đất		166.595	58.000	58.000		35
- Thuế tài nguyên		3.773	150.000	48.000		1.272
- Thuế GTGT, TNDN			288.000	100.000		
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.020.000	2.184.527	1.500.000	750.000	74	34
- Thuế VAT và TNDN						
- Thu cấp quyền SDĐ	2.020.000	2.183.000	1.500.000	750.000	74	34
- Cho thuê mặt đất		1.527				
- Thu khác						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn		600.000				
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.934.000	9.687.238	4.835.000	4.835.000	98	50
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.934.000	4.835.625	4.835.000	4.835.000	98	100
- Bổ sung có mục tiêu		4.851.613				


BỘ PHẬN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN XÃ



Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH
(kỵ tên và đóng dấu)

Nguyễn Xuân Huy

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán năm 2020			Dự toán năm 2021			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8= 5/2	9=6/3	10= 7/4
Tổng số chi	6.129.000	1.002.000	5.127.000	5.896.000	750.000	5.146.000	96	74,9	100
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	428.040		428.040	529.000		529.000	124		124
- Chi lĩnh vực quốc phòng	368.040		368.040	419.000		419.000	114		114
- Chi trật tự an toàn xã hội	60.000		60.000	110.000		110.000	183		183
2. Chi giáo dục	12.000		12.000	12.000		12.000	100		100
3. Chi ứng dụng, chuyển giao	0			0					
4. Chi y tế	5.000		5.000	52.000		52.000	1.040		1040
5. Chi văn hóa, thông tin	70.000		70.000	27.000		27.000	39		39
6. Chi phát thanh, truyền thanh	20.000		20.000	36.000		36.000	180		180
7. Chi thể dục, thể thao	20.000		20.000	80.000		80.000	400		400
8. Chi bảo vệ môi trường	50.000		50.000			0	0		0
9. Chi các hoạt động kinh tế	250.000		250.000	325.000		325.000	130		130
- Giao thông	50.000		50.000	90.000		90.000	180		180
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	100.000		100.000	235.000		235.000	235		235
- Các hoạt động kinh tế khác	100.000		100.000			0	0		0
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.527.960		3.527.960	3.602.000		3.602.000	102		102
<i>Trong đó: Quy lương</i>	1.183.000		1.183.000	1.183.000		1.183.000	100		100
10.1. Quản lý Nhà nước	1.810.880		1.810.880	1.712.586		1.712.586	95		95
10.2. Hội đồng nhân dân	305.000		305.000	435.000		435.000	143		143
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	825.360		825.360	670.000		670.000	81		81
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	193.760		193.760	287.000		287.000	148		148
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	96.720		96.720	113.414		113.414	117		117
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	93.480		93.480	131.000		131.000	140		140
10.7. Hội Cựu chiến binh	71.280		71.280	93.000		93.000	130		130
10.8. Hội Nông dân	92.720		92.720	110.000		110.000	119		119
10.9. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	38.760		38.760	50.000		50.000	129		129
11. Chi cho công tác xã hội	443.000		443.000	367.000		367.000	83		83
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	183.000		183.000	174.000		174.000	95		95
- Trợ cấp xã hội	207.000		207.000	193.000		193.000	93		93
- Khác	53.000		53.000			0	0		0
12. Chi khác	100.000		100.000			0	0		0
Tiết kiệm chi	100.000		100.000			0			
13. Dự phòng	101.000		101.000	116.000		116.000	115		115

Ngày .31 tháng .12 năm .2020

BỘ PHẬN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN XÃ



Nguyễn Thị Mỹ Duyên

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

